

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2020/DS-ST**
Ngày: 7-9-2020
v/v: TrA chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình;

2. Ông Lê Đức Sơn.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận- Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2020/TLST- DS, ngày 22/5/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXXST-DS ngày 24/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐST-DS ngày 12/8/2020; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Tr**, sinh năm 1987. Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 54 TNV, tổ 4, khu phố 7, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Trần Hải A**, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Số 26 đường 41, thôn 10, xã NC, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Nguyễn Thị Ánh Nhật**, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 26 đường 41, thôn 10, xã NC, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà **Nguyễn Thị Bích Tr1**, sinh năm 1992. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 54 TNV, tổ 4, khu phố 7, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Tr và bà Nguyễn Thị Bích Tr1:

Ông Nguyễn Phương N1, sinh năm 1981. Có mặt

Địa chỉ: Số 399 CMT8, khu phố 3, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 8/5/2020, bản khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn ông Trần Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích Tr1 trình bày: Do chỗ quên biết nhau, nên ngày 27/10/2019 ông Trần Tr có cho ông Phạm Trần Hải A và bà Nguyễn Thị Ánh Nhật vay số tiền 40.000.000 đồng, khi vay ông A có viết giấy tay và hẹn đến ngày 27/01/2020 sẽ trả, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Trong thời gian vay ông A, bà Nhật chưa trả tiền gốc, có trả tiền lãi đến ngày 27/01/2020, theo mức lãi 0,75%/tháng, còn tại phiên tòa khai là trả lãi mức 1,66%/tháng, số tiền lãi trả được là 1.500.000 đồng. Từ tháng 01/2020 đến nay chưa trả lãi. Việc vay tiền của ông A, bà Nhật là tự nguyện và không có sự ép buộc. Tiền cho ông A, bà Nhật vay là tài sản của vợ chồng ông Tr bà Tr1. Nay yêu cầu ông A, bà Nhật phải trả cho vợ chồng ông Tr, bà Tr1 số tiền gốc 40.000.000 đồng, về tiền lãi từ trước đến nay không yêu cầu.

Chúng cứ do nguyên đơn đưa ra là 01 giấy vay tiền có chữ ký tên: Phạm Trần Hải A và Nguyễn Thị Ánh Nhật.

Tại phiên tòa bị đơn Phạm Trần Hải A trình bày: Vào tháng 8/2019 ông có vay của ông Tr số tiền là 60.000.000 đồng dùng để đánh bạc. Lãi suất tính theo ngày là cứ 1.000.000 đồng tiền gốc 01 ngày phải trả 100.000 đồng tiền lãi. Sau khi vay ông A trả lãi theo ngày, trả được khoảng 02 tháng, số tiền lãi ông A không nhớ và có trả gốc được 20.000.000 đồng. Đến tháng 10/2019, ông Tr yêu cầu vợ chồng ông A phải viết giấy nhận nợ, để được giảm lãi xuống còn 10%/tháng, nên ông A có đe dọa và ép buộc bà Nhật vợ ông đến nhà ông Tr ký giấy nợ. Sau đó ông A có trả 01 tháng tiền lãi cho ông Tr. Việc vay và trả lãi chỉ có ông A và ông Tr biết, hiện tại ông A không có chứng cứ gì chứng minh việc vay và trả lãi cho ông Tr. Nay ông A chấp nhận trả cho ông Tr 40.000.000 đồng tiền lãi.

Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh Nhật trình bày: Việc ông Phạm Trần Hải A (chồng bà Nguyễn Thị Ánh Nhật) vay tiền của ông Trần Tr là để cờ bạc, khi vay bà Nhật không biết. Việc bà Nhật có ký vào giấy vay tiền của ông Tr là do chồng bà Nhật ép buộc- Tức là tối ngày 27/10/2019 ông A về đánh đập và ép buộc bà đến nhà ông Tr ký vào giấy nợ do ông Tr soạn sẵn, còn tiền thì không thấy ông Tr đưa cho ai, bà Nhật không biết. Theo bà Nhật ông Tr cho vay với lãi suất rất cao, chứ không phải là 0,75%/tháng. Bà Nhật cho rằng ông Tr đến nhà đòi nợ với lãi suất 10%/tháng, nhưng bà Nhật không có tiền trả. Theo bà Nhật số tiền này do chồng bà là ông A vay để cờ bạc, nên ông A phải chịu trách nhiệm trả, còn bà Nhật không có trách nhiệm trả số nợ này cho ông Tr.

:

Qua xác minh được biết: Ông A, bà Nhật đang chung sống cùng mẹ của ông A là bà Trần Thị Hà tại xã NC, huyện Đ. Bà Hà khai trong thời gian chung sống không thấy hoặc nghe về việc ông A đánh đập, ép buộc bà Nhật ký giấy vay tiền của ông Tr. Bà Hà có nghe ông A, bà Nhật vay của ông Tr 40.000.000 đồng. Bà Hà có chứng kiến việc ông Tr đến đòi nợ và bà Nhật có nói là để vợ chồng trả dần.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

Về phần thủ tục: Thẩm phán thụ lý hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Tr, bà Nguyễn Thị Bích Trâm và người đại diện thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Ánh N thực hiện không đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua các tài liệu và chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn là có chứng cứ nên chấp nhận, buộc ông A, bà N trả cho vợ chồng ông Tr 40.000.000 đồng. Việc ông A khai vay tiền để đánh nhưng không có chứng cứ, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh N, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng bà N, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Tòa án căn cứ vào đơn khởi kiện xác định quan hệ tranh chấp là: tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do quan hệ pháp luật xác lập kể từ tháng 10/2019, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Phạm Trần Hải A và bà Nguyễn Thị Ánh N phải trả số tiền vay 40.000.000 đồng vào ngày 27/10/2019, Hội đồng xét xử nhận định: Bà N cho rằng chồng bà là ông A vay tiền của ông Tr sử dụng vào việc cờ bạc, bà N không biết, bà N không sử dụng số tiền này. Việc bà N ký vào giấy vay tiền của ông Tr vào ngày 27/10/2019 là do chồng bà là ông A đánh đập, ép buộc bà phải đến nhà ông Tr ký vào ban đêm. Tại phiên tòa ông A

khai là vay tiền của ông Tr để dùng vào việc đánh bạc tại LaGi, sau đó để cho ông Tr giảm lãi nên có bắt buộc bà N đến nhà ông Tr ký giấy nợ là phù hợp lời khai của bà N. Hơn nữa trong quá trình tố tụng đại diện cho nguyên đơn khai về số tiền lãi các bên thỏa thuận là không thống nhất: Lúc khai trả lãi 0,75%/tháng, lúc khai trả lãi mức 1,66%/tháng, lúc khai đã trả 1 tháng 1.500.000 đồng. Còn ông A bà N khai thống nhất là sau khi viết giấy nợ lãi suất thỏa thuận 10%/tháng. Đồng thời lời khai của bà N khi hòa giải và lời khai của ông A tại phiên tòa, tuy không cùng một thời điểm, nhưng thống nhất nhau về mục đích vay, lãi suất vay, nên có căn cứ chứng minh ông A vay tiền dùng đánh bạc. Từ đó chỉ buộc ông A phải có trách nhiệm trả cho ông Tr và bà Trâm số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Nếu ông A chậm trả thì phải chịu lãi suất theo Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Theo đại diện của nguyên đơn lãi suất thỏa thuận khi vay là 0,75%/tháng, ông A, bà N có trả được 02 tháng, có khi khai trả 1.500.000 đồng. Còn ông A, bà N cho rằng lãi suất 4.000.000 đồng/tháng tương đương 10%/tháng. Tuy nhiên ông A, bà N cũng không có chứng cứ chứng minh, nên không thể xem xét để khấu trừ. Việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi từ tháng 1/2020 đến nay là phù hợp và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật..

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Phạm Trần Hải A phải trả cho ông Trần Tr và bà Nguyễn Thị Bích Trâm số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Phạm Trần Hải A phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Trần Tr 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tiền số 0002350 ngày 22/5/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện có mặt tại phiên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 7/9/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái

